

Số: 574 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 19 tháng 03 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa Gói thầu SH2026-055 “Mua sắm Vật tư thay thế C&I hệ thống BOP của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm Gói thầu SH2026-055 “Mua sắm Vật tư thay thế C&I hệ thống BOP của NMĐ Sông Hậu 1”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 31/03/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.

Email: giangtth@pvpqb.vn; haipdm@pvpqb.vn; trimq@pvpqb.vn; hunglt@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐ SH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu VT, TM (M.Q.T).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: Gói thầu SH2026-055: "Mua sắm Vật tư thay thế C&I hệ thống BOP của NMD Sông Hậu 1 "
(Đính kèm công văn số 574 / NMDSH1-TM ngày 10/03/2026)

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
1	Switching power supply	FSP700-80PSA	- AC input: 100 - 240V, 12 - 6 A, 60 - 50 Hz. - DC output: +3.3V, 24.0A; +5V, 30.0A: Max Watt 170W. +12V1,16.0A; +12V2,16.0A; +12V3,16.0A; +12V4,16.0A; +5Vsb, 4.0A; -12V, 0.5A; -5V, 0.5A - Total output: 700W. Cấu hình bộ nguồn phù hợp với thiết bị Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.	FSP Group INC.	Châu Âu/G7/OECD	1	Bộ	
2	Switching Power Supply	- Model No.: HSTNS-PD40 P/N: 723595-101	Model No.: HSTNS-PD40 - Input: 100 - 240 V; 5.8A - 2.8A; 50/60 Hz - Output: +12V; 42A MAX; - 500W Cấu hình bộ nguồn phù hợp với thiết bị Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.	HP	Châu Âu/G7/OECD	1	Bộ	
3	Synchronization module	6ES7960-1AA06-0XA0	Synchronization module V6 for patch cable to 10 m Input current + Current consumption, max: 220 mA Power loss, typ: 0.77 W Dimensions + Width: 13 mm + Height: 14 mm + Depth: 58 mm	Siemens	Châu Âu/G7/OECD	6	pcs	
4	HMI	6AV2124-1DC01-0AX0	- Product type designation: KP400 Comfort - Design of display: TFT - Screen diagonal: 4.3 in - Display width: 95 mm - Display height: 53.8 mm - Number of colors: 16 777 216 - Resolution (pixels): • Horizontal image resolution 480 pixel • Vertical image resolution 272 pixel - Supply voltage: Type of supply voltage DC. - Rated value (DC): 24 V - Memory available for user data: 4 Mbyte - IP (at the front) IP65 - IP (rear) IP20	Siemens	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
5	Relay	40.52.9.024.5000	Type of relay electromagnetic - Contact specification: - Contacts configuration: 2 CO (DPDT) - Rated current/Maximum peak current : 8 A/15A Rated voltage/Maximum switching voltage V AC: 250/400 - Rated load AC1 VA : 2,000 - Rated load AC15 (230 V AC) VA: 400 - Single phase motor rating (230 V AC) kW: 0.3 - Breaking capacity DC1: 30/110/220 V A: 8/0.3/0.12 - Minimum switching load mW (V/mA): 300 (5/5) Standard contact material: AgNi Coil specification - Nominal voltage (UN) VDC: 24	Finder	Châu Âu/G7/OECD	2	Pcs	

PHÂN
TẬP
NĂM
HÀNH

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
6	Máy tính	HP Z4 G4 Workstation	- Operating system: Windows 10 Pro 64 bit. - Processor: Intel® Xeon® W-2133 (3.6 GHz base frequency, up to 3.9 GHz with Intel® Turbo BoostTechnology, 8.25 MB L3 cache, 6 cores) - Physical memory (RAM): 8 GB. - HDD: SATA 1TB, 7200rpm. - SSD: 521GB - Optical drive: HP Slim DVD-Writer - Available Graphics: NVIDIA® T400 (4 GB GDDR6 dedicated). - Communications: Intel® I350-T2 dual-port GbE NIC - Power: 750 W internal power supply, up to 90% efficiency, active PFC.	HP	Châu Âu/G7/OECD/Asia	1	Set	
7	LOCK-OUT RELAY	7828HF	Coil specification: - Trip coil: + Nominal voltage 250 VDC + Operating range 180-280 VDC + Threshold (Min): 140 VDC + Coil resistance: 104 Ohm + Coil burden (250 VDC): 2.4 AMP. - Reset coil: + Nominal voltage 250 VDC + Operating range 200-275 VDC + Coil resistance: 80.6 Ohm + Coil burden (250 VDC): 3.1 AMP.	ELECTROSWITCH	Made in USA	2	pcs	
8	Auto Transfer Switch	Type: 25010HS (21HS)	- Rated operating voltage: 250 VAC - Rated current: 100A - Number of poles: 2 - Short Time Current (1sec): 10kA - Operational Cycle: 50,000 - Operating Time opening: <= 30 msec - Operating Time closing: <= 60 msec - Operating Voltage & current: 220 VAC, 1.6A - Dimensions: 127 x 165 x 100 mm	VITZRO	Châu Âu/G7/OECD	1	SET	
9	Limit Switch	LSA3K	- Contacts: SPDT - Pretravel: 15° max - Different Travel: 5° max - Overtravel: 60° min. - Oper. torque: 0.45 Nm [4 in-lb] max. - Action: CW & CCW (Momentary) - Op. temp range: -12 °C to 121 °C [10 °F to 250 °F] - Contacts: Silver	HONEYWELL	Châu Âu/G7/OECD	2	Cái	
10	Limit Switch	- ZCKJ4 + ZCKE05 + ZCKY51	- ZCKJ4 + ZCKE05 + ZCKY51 - Range of Product: Telemecanique Limit switches XC Standard - Body type: Fixed - Product Compatibility: XCKJ - Associated head: ZCKE05 - Body material: Metal - Width: 1.6 in (40 mm) - Height: 4.02 in (102 mm) - Depth: 2.4 in (60 mm) - IP Degree of Protection: IP66	Telemecanique	Châu Âu/G7/OECD	10	Bộ	
11	Spark rod		L=5415mm Mã bản vẽ AE085025415 của Tesi	Tesi	Châu Âu/G7/OECD	10	Cái	
12	Spark tip	ZA_0063	HE Ignition Tip-inconel Tham khảo Mã bản vẽ AE085025415 của Tesi (phải phù hợp để thay thế Spark tip hiệu hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng)	Tesi	Châu Âu/G7/OECD	5	Cái	

3100
 THI NH
 ĐIỆN
 YAN CỎ
 LƯỢNG
 VIỆT N
 PHỐ

Handwritten signature

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
13	Limit switch	GLAA20A2A	- Body Style (EN50041): Non plug-in - Conduit: 0.5-14 NPT - Basic Switch: 2NC/2NO, DPDT snap action - Heads: Side rotary - Actuators or Levers: 38 to 93 mm adjustable, 19 x 6 nylon roller	Honeywell	Châu Âu/G7/OECD	20	Cái	
14	Limit switch	GLAA20B	-Body Style (EN50041): Non plug-in - Conduit: 0.5-14 NPT - Basic Switch: 2NC/2NO, DPDT snap action - Heads: Top pin plunger (SST)	Honeywell	Châu Âu/G7/OECD	10	Cái	
15	Temperature Transmitter	TTH300-Y0/OPT	- Ambient temperature: Standard: -40 to 85 °C - Output signal: Configurable 4 to 20 mA (standard) - Supply voltage: US = 11 to 42 V DC (Phù hợp để thay thế model TTH300-Y0/OPT. SN: 3K650000404519 nhà sản xuất ABB hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng)	ABB	Châu Âu/G7/OECD	7	Cái	
16	R/I Converter	R/I Converter (Spare Part for TM161608-0005)	R/I Converter (Spare Part for TM161608-0005)	Enertork	Châu Âu/G7/OECD	4	Cái	
17	Solenoid Valve	WSNF8327B002	- Differential pressure: 0 - 10 bar [1 bar =100 kPa] - Connection: 1/4 NPT - Orifice size: 5,7 mm - Body: Brass or stainless steel AISI 316L - Stem, core tube: Stainless steel - Core and plugnut: Stainless steel - Springs: Stainless steel - Solenoid enclosure: NF: Chromated aluminium, epoxy coated - Standard voltages: 24 Vdc - pipe size: 1/4 NPT - orifice size: 5,7mm - Power coid: 11.2 W - Protection class : IP67	ASCO	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
18	Solenoid valve	VSNS-FC-B52-MH-14-CS2	- Voltage: 24V DC - Exd II CT6 - Connection Inlet/Outlet: 1/4" Phải thay thế được cho solenoid van VSNS-FC-B52-MH-14-CS2, của hãng Festo nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng	FESTO	Châu Âu/G7/OECD	5	Bộ	
19	Limit Switch	3SE5162-0CD02	Position switch, Metal enclosure XL, 56 mm wide Roller plunger with stainless steel roller 13 mm Device connection 3 x (M20 x 1.5) 2 x (1 NO/1 NC) Quick action contacts IP66/IP67	SIEMENS	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
20	Automatic switchover controller	1017B	- Power Requirements: 230 ± 10% Vac, 50/60 Hz, single phase - Power Consumption: 10 watts, excluding valves - Maximum Cable Size: 2.5 mm² - Valve relays (with integral snubbers) + Maximum Contact Rating: 5A - 230 Vac + Maximum Switching Capacity: 1200 VA - Dimensions: 184 mm high x 219 mm wide x 115 mm deep (including cover) - Enclosure: IP54	De Nora	Châu Âu/G7/OECD	1	Bộ	

68153
NH
ÂU KHÍ
G NGHIỆ
UỐC GIẢ
HÀ N

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part No)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
21	Pressure Switch	H100-190	- Pressure Connection: 1/2" - Options: + Range: 5 to 30 psi + Proof: 2500 psi - Wetted matl: 316 st/st - E/R: 15A; 480VAC	United Electric Controls	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
22	Pressure Switch	J402-358	- Adjustable set Point Range: 0 to 13,8 mbar - Deadband: 0,1 to 0,6 mbar - Over Range Pressure: 13,8 bar - Proof Pressure: 17.2 bar - Two SPDT outputs; internal hex screw adjustment - Pressure connection 1/4" NPT (female)	United Electric Controls	Châu Âu/G7/OECD	3	Cái	
23	3-Way Spool Valves	DSH083N	Part No: DSH083N Bao gồm Coil: Part No: CCP024D	Parker	Châu Âu/G7/OECD	3	Cái	
24	Pressure gauge	P2586L3EDH05032	- Base model: + P258: Liquid filled industrial pressure gauge - Nominal diameter (mm): 160 mm - Type of mounting: + L: Lower back connection, flush, case center mounting plate - Accuracy: ± 1.0 % of full scale, not available with diameter 63 and 80 mm - Process connection: 1/2", not available with diameter 63 and 80 mm - Connection type: NPT - Unit: bar - Range: 0 ~ 15 - Pressure connection material and dial color: 316SS and 2 colors - Option: Silicone filling	WISE	Châu Âu/G7/OECD	3	Cái	
25	Temperature Sensor	R122A17G93Q ECB0	- Base model: Double (Duplex) element. - Head & tip shape type: General (Weatherproof) and ungrounded - Element (Tolerance): K (0.4) - Sheath material: 316L SS - Sheath outer diameter (mm): 8.0 - Conduit connection: 1/2" NPT - Mounting type: Union and nipple length 100mm - Connection size and connector material: 1/2" and 304SS - Connection type : NPT - Insert Length: 200mm	WISE	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
26	Pressure Switch	J402K-S147B	- Type J402K, dual switch output with internal hex crew adjustment. -Adjustable set point Range : 0.2 to 2.1 bar -Deadband : 34.5 to 137.9 mbar - Woking Pressure : -1 to 6.9 bar	United Electric Controls	Châu Âu/G7/OECD	3	Cái	
27	H2 Gas leakage detector	GTD-2000EX	- GTD-2000EX - Measuring Type: Diffusion type - Measuring Value Display: Local Digital LCD - Detectable Gas: Flammable gas - Measuring Range: 0~100% LEL - Accuracy: $\leq \pm 3\%$ / Full Range - Basic Interface: Analog 4-20mA current interface - HART Interface: HART REV7 (Option) Phải phù hợp để thay thế cho cảm biến đo rò rỉ khí H2 model GTD-2000EX (Serial No. AUBB2101190), Gastron hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	GASTRON	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	

036

M

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
28	Cảm biến và đầu nối	XTR-100	Bao gồm cảm biến XTR-100 và đầu nối HPC-500P: - Dewpoint range: -110°C to +20°C (-148°F to +68°F) - Accuracy: ± 2°C (±3.6°F) for -110° to 0° Dewpoint ± 3°C (±5.5°F) for - 0° to +20° Dewpoint Phải phù hợp để thay thế cho cảm biến và đầu nối XTR-100 và HPC-500P hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Cosa+Xentaur (Process Insights)	Châu Âu/G7/OECD	1	Bộ	
29	Level sensor of H2 GENERATORS	Level Sensor, A300	Item: 1 Kit Number: KT-0100-0038	Proton	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
30	Conductivity Sensors	P/N: 58031300	P/N: 58031300 - Type: 2-electrode - Cell constant: 0.1 cm-1 - Measuring range: 0.1...2000 µS/cm - System accuracy: ±3.0 % or better - Temperature sensor: 30 kOhm NTC - Wetted parts: Titanium - Insertion fitting: 3/4" NPT - Cable Length: 7.6m	Mettler Toledo	Châu Âu/G7/OECD	2	Cái	
31	Transformer temperature transmitter	Type: ZT-f2.1-2x Pt100 Code: ZTF21-ZA1PZPZ2	Type: ZT-f2.1-2x Pt100 Code: ZTF21-ZA1PZPZ2 Ambient temperature: -50 độ C...+85 độ C - Output + No: 01 Output signal: Pt100 acc. To IEC 751 Measuring range: -50 độ C...+160 độ C + No: 02 Output signal: Pt100 acc. To IEC 751 Measuring range: -50 độ C...+160 độ C	Messko	Châu Âu/G7/OECD	2	Cái	
32	Switch Amplifier	KFD2-SR2-Ex1.W	KFD2-SR2-Ex1.W FREQUENCY RANGE: ≤ 10 Hz Rated voltage: 19 to 30 VDC;	Pepperl+Fuchs	Châu Âu	2	Cái	
33	Proximity Sensor	PRDCML18-14DP	Sensing distance: 14mm Hysteresis Max.: 10% of sensing distance Standard sensing target: 40×40×1mm(Iron) Setting distance: 0 to 9.8mm Power supply: (Operating voltage) 12-24VDC(10-30VDC) Response frequency: 200Hz Control output: Max. 200mA Insulation resistance Min: 50 MΩ (at 500VDC megger) Protection: IP67(IEC standards)	Autonics	Châu Âu/G7/OECD	2	Cái	
34	Sodium Electrode	AW501 030	Part No: AW501 030 Được sử dụng cho máy phân tích Sodium natri ABB navigator 500	ABB	Châu Âu/G7/OECD	4	Cái	
35	Reference electrode for non reservoir fed systems	AW501 035	Part No: AW501 035 Được sử dụng cho máy phân tích Sodium natri ABB navigator 500	ABB	Châu Âu/G7/OECD	4	Cái	
36	Reference electrode for reservoir-fed systems	AW501 036	Part No: AW501 036 Được sử dụng cho máy phân tích Sodium natri ABB navigator 500	ABB	Châu Âu/G7/OECD	4	Bộ	



STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
37	3 WAY VALVE JOUROMATIC	P/N: STA-M105-06	P/N: STA-M105-06 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
38	FLOW CELL 15 mm	P/N: STA-M101-02	P/N: STA-M101-02 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
39	SAMPLE DETECTOR	P/N: VTB 4051	P/N: VTB 4051 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
40	Supervised Control Module	FCM-1	- Normal Operating Voltage: 15 to 32 VDC - Maximum Current Draw: 6.5 mA (LED on) - Average Operating Current: 375µA (LED flashing - in group poll mode) 350µA (LED flashing - in direct poll mode); 485µA Max. (LED flashing, NAC shorted) - Maximum NAC Line Loss: 4 VDC - External Supply Voltage (between Terminals T10 and T11) - Maximum (NAC): Regulated 24 VDC - Maximum (Speakers): 70.7 V RMS, 50 W - Drain on External Supply: 1.7 mA Maximum using 24 VDC supply; 2.2 mA Maximum using 80 VRMS supply	NOTIFIRER	Châu Âu/G7/OECD	18	psc	
41	Addressable Call Point	FSM500K/T(E)	- Operating Voltage: 15-32VDC - Current Ratings: - Standby: 470µA @ 24VDC - Alarm: 2.3mA @ 24VDC (LED Rating Max. 30mA)	NOTIFIRER	Châu Âu/G7/OECD	3	psc	
42	Solenoid valve	73218BN4UNL VN0C111C2	- Seal Material: NBR - Input Voltage:: 24VDC - Ingress Protection Rating: NEMA 4, 4X - Port Type: NPT - Coil Type: 1/2" NPT Conduit w/ 18" Leads - Main Flow Coefficient: 4 - Function: Normally Closed - Body Material: Brass - Actuation Type: Internally Piloted - Orifice Size: 5/8 - Valve Type: 2 Way - Maximum Pressure Differential: 175.0 - Port Size: 1/2	Parker	Châu Âu/G7/OECD	50	Cái	
43	Battery	12FGHL34	- Nominal Voltage: 12 Volt - Nominal Capacity: 33.5 W @ 15 min-rate to 1.6 Vpc at 25 °C 9.0 Ah 20 hours rate to 1.75 Vpc at 25 °C - Float charging voltage: 13.50 - 13.80 V/bloc at 25 °C - Boost charge voltage: 14.40 - 15.00 V/bloc at 25 °C - Float voltage compensation: -18mV/°C - Maximum charging current: 1.25 A - Case: ABS with HB flammability rate (according UL 94) - Internal resistance: 23.6 mΩ in full charged condition - Weight: 2.70 kg - Dimensions: L x W x H (TH): 151 x 65 x 94 (99) - Operative temperature range: -20 °C to 50 °C	FIAMM	Châu Âu/G7/OECD	6	Cái	

0068
 I NHÃN
 IÊN DẦU
 V CÔNG
 LÔNG QU
 ỆT NAM
 HỒ Y

[Handwritten signature]

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part NO)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
44	Battery	12SP55	- Voltage: 12.00 V - Performance: 55Ah C20 1.75V/cell 25°C - Float Voltage: 2.27V/cell at 20°C - Connection torque: 7 - 9 Nm - Max Charge Current: 13.75 A	FIAMM	Châu Âu/G7/OECD	8	Cái	

Yêu cầu khác:

- Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất;

- Yêu cầu cung cấp hàng hóa chính hãng đối với tất cả các danh mục hàng hóa nêu trên;

- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;

- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;

- Chứng từ kèm theo hàng hóa:

+ Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;

+ Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

*Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.



[Handwritten signature]